

Bản án số: 37/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 20/9/2019

V/v *Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Tuyền**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lò Thanh Hồng**

Ông **Quàng Văn Minh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thu Hương** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2019/QĐST - HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Vì Thị D** - Sinh năm: 1982; Địa chỉ: Đội 5, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh **Lò Văn T** - sinh năm 1980; Địa chỉ: Bản S, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/6/2019 và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn chị Vì Thị D trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị D và anh T kết hôn với nhau do hai bên tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 06/9/2000 tại UBND xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Cuộc sống chung của vợ chồng anh chị hòa thuận hạnh phúc đến tháng 7/2006 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng mâu thuẫn không giải quyết được mà ngày càng trầm trọng. Chị D và anh T đã sống ly thân với nhau từ tháng 7/2006 cho đến nay, không còn đi lại và quan tâm gì

đến nhau nữa. Vì vậy, chị D đề nghị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên giải quyết cho chị được ly hôn với anh T vì tình cảm của chị D đối với anh T không còn nữa.

- *Về con chung*: Chị D và anh T có 01 con chung là Lò Việt Tr - sinh ngày 12/7/2001, hiện nay cháu Tr đang ở với chị D tại Đội 5, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Chị D có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tr cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Thu nhập của chị D từ nghề làm ruộng được khoảng 5.000.000 đồng/1 tháng, chị D đảm bảo có đủ khả năng về thời gian cũng như về điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Tr.

- *Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả hỏi tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn giữa chị Vi Thị D và anh Lò Văn T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến việc giải quyết vụ án nhưng anh T vẫn không đến tham gia phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của anh T không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

*) *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện được pháp luật công nhận, chị D cho rằng cuộc sống chung của anh chị không có hạnh phúc là do tính tình không hòa hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng mâu thuẫn không giải quyết được mà ngày càng trầm trọng (được chứng minh tại Đơn đề nghị ngày 23/7/2019 của chị Vi Thị D BL số: 27), hai anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 7/2006 cho đến nay không còn đi lại và quan tâm gì đến nhau nữa. Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án anh T không trả lời thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và cũng không đến tham gia phiên hòa giải để trình bày quan điểm của mình, điều đó đã thể hiện anh T chưa thực sự có thiện chí đoàn tụ. Mặt khác, anh chị đã sống ly thân với nhau hơn 13 năm nay không ai còn quan tâm đến ai nữa. Vì vậy, không có căn cứ để chứng minh rằng cuộc sống chung của chị D và anh T vẫn hòa thuận, hạnh phúc. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy cần xử cho chị D được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

*) *Về con chung*: Chị D và anh T có 01 con chung là Lò Việt Tr - sinh ngày 12/7/2001, hiện cháu Tr đang ở với chị D tại Đội 5, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện

Biên. Nguyên vọng của chị D sau khi ly hôn là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tr, chị D tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Tr. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án anh T cũng không có ý kiến gì về việc nuôi con chung, nhưng xét về mặt thực tế hiện tại cháu Tr đang ở cùng với chị D, anh T đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về nhà không có điều kiện về thời gian để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Tr. Mặt khác tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị D khai thu nhập của chị từ nghề làm ruộng được khoảng 5.000.000 đồng/1 tháng, chị D đảm bảo có đủ khả năng về thời gian cũng như về điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Tr và cháu Tr cũng đã có đơn xin được ở với chị D. Vì vậy, để đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt cho cháu Tr Tòa án cần giao cho chị D được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Tr và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Tr là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình.

**) Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương:* Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**) Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nguyên đơn chị Vi Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, 69, 70, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Về hôn nhân: Chị Vi Thị D được ly hôn với anh Lò Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Lò Việt Tr - sinh ngày 12/7/2001 cho chị Vi Thị D được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Tr đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong Tr hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án chị Vi Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã

nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số AA/2016/0003175 ngày 13/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên; Chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự chi Vì Thị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/9/2019). Anh Lò Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Điện Biên;
- UBND xã Th, huyện Đ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện ĐB;
- Toà án tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Tuyên

